

# PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI VỀ THỪA KẾ KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO NỘI DUNG CỦA DI CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG TẶNG CHO - KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

ThS ĐẶNG LÊ PHƯƠNG UYÊN

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: dlpuyen@hcmulaw.edu.vn

## Tóm tắt

Giá trị một suất thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc được tính trên di sản người chết để lại. Do đó, nếu di sản rất ít hoặc thậm chí không còn gì do người chết đã chuyển nhượng chuyển nhượng phần lớn hoặc toàn bộ tài sản khi còn sống bằng hợp đồng không có đền bù, thì quyền lợi của những người thừa kế bắt buộc không được bảo đảm do chưa có cơ chế yêu cầu người nhận tài sản hoàn trả. Nhằm khắc phục điều này, pháp luật nhiều quốc gia áp dụng quy định về thừa kế bắt buộc cho cả hợp đồng tặng cho và di chúc, đồng nghĩa với việc tài sản dùng để tính giá trị một suất thừa kế bắt buộc không chỉ giới hạn trong di sản của người chết tại thời điểm mở thừa kế. Bài viết này trình bày một số quy định của các nước trên thế giới về phạm vi áp dụng cũng như phương thức tính toán một suất thừa kế bắt buộc, qua đó rút kinh nghiệm nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chủ đề này.

**Từ khóa:** thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc, di chúc, hợp đồng tặng cho

## Abstract

The value of an inheritance share does not depend on the content of the will and is calculated based on the deceased's estate. Therefore, if the inheritance is very small or even non-existent because the deceased transferred most or all of his assets during his lifetime by a contract without compensation, the rights of the compulsory heirs are not guaranteed because there is no mechanism to require the recipient to return the assets. To overcome this, the laws of many countries apply the provisions on compulsory inheritance to both gift contracts and wills, which means that the assets used to calculate the value of a compulsory inheritance share are not limited to the deceased's estate at the time of inheritance opening. This article presents some regulations of countries around the world on the scope of application as well as the method of calculating a compulsory inheritance share, thereby drawing experience to improve Vietnamese law on this topic.

**Keywords:** inheritance does not depend on the content of the will, testament, donation contract

**DOI:** <https://doi.org/10.70236/khplvn.386>

**Ngày nhận bài:** 14/5/2025

**Ngày duyệt đăng:** 14/10/2025

## 1. Mở rộng phạm vi áp dụng của quy định về hưởng di sản bắt buộc cho hợp đồng tặng cho tài sản

Di chúc hay các hợp đồng không có đền bù đều được thực hiện dựa trên ý chí tự nguyện của chủ sở hữu tài sản. Luật ghi nhận quyền của chủ sở hữu, trong suốt cuộc đời mình và cả trước khi chết, tự định đoạt tài sản của mình cho bất kỳ ai, chỉ định người thừa kế theo di chúc và truất quyền hưởng di sản của người thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, quyền tự do trong trường hợp này bị giới hạn bởi nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc các thành viên trong gia đình, đặc biệt là trách nhiệm đối với bậc sinh thành, người bạn đời và con cái. Đây không chỉ là quy định pháp luật mà trước hết, đó là những nghĩa vụ luân lý giữa người với người. Cả phương diện pháp lý cũng như đạo lý đều quy định rằng: việc chăm sóc, nuôi dưỡng những người này là bổn phận của người để lại di sản và bổn phận ấy không chỉ được thực hiện khi người để lại di sản còn sống mà ngay cả khi họ chết thì bổn phận ấy vẫn sẽ tiếp tục được thực hiện bằng tài sản

của mình cho cha, mẹ, vợ, chồng, con cái.<sup>1</sup> Nếu chủ sở hữu tài sản không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ bốn phận thì pháp luật sẽ ấn định cho những người có quan hệ gần gũi với người này luôn được hưởng một phần di sản từ khối di sản người đó để lại thông qua chế định thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Có ý kiến cho rằng, sự cân bằng giữa quyền tự do lập di chúc và lợi ích tối thiểu của người thân đối với tài sản người chết để lại đã được công nhận trong lịch sử suốt nhiều thế kỷ và được công chúng ủng hộ.<sup>2</sup>

Trong pháp luật Việt Nam, Điều 644 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 quy định những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc cần được hưởng tối thiểu hai phần ba một suất thừa kế theo pháp luật. Do đó, để tính suất thừa kế bắt buộc thì trước tiên cần xác định giá trị của một suất thừa kế theo pháp luật. Lẽ dĩ nhiên, giá trị này phụ thuộc vào khối di sản mà người chết để lại, cụ thể hơn, phụ thuộc vào giá trị những tài sản thuộc sở hữu của người chết tại thời điểm mở thừa kế sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ tài sản và chi phí thừa kế. Cách hiểu này phù hợp với quy định hiện hành tại Việt Nam, vì suy cho cùng, quy định đang được phân tích thuộc lĩnh vực “thừa kế”, mà người thừa kế chỉ có thể thụ hưởng những gì được xem là di sản người chết để lại. Theo Điều 612 BLDS năm 2015, “di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”. Mặc dù BLDS năm 2015 không xây dựng khái niệm di sản mà chỉ cho biết di sản thừa kế gồm những tài sản nào nhưng ít nhiều đã cho thấy rằng để trở thành di sản thì tài sản hoặc phần tài sản đó phải là “của” người chết và sẽ được xác định tại thời điểm mở thừa kế. Không phủ nhận một số trường hợp đặc biệt là tài sản xuất hiện sau khi người để lại di sản chết vẫn có thể được xem là di sản như tài sản thay thế<sup>3</sup> hoặc tài sản có được từ các quan hệ pháp luật mà người chết xác lập khi còn sống...<sup>4</sup> nhưng những tài sản đã biến mất khỏi khối tài sản của người chết thì đương nhiên không thể xem là di sản và không ảnh hưởng đến việc tính toán giá trị một suất thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc.

Từ đó đặt ra vấn đề là khi người để lại di sản đã chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản cho người khác trước khi chết thông qua hợp đồng tặng cho thì quyền lợi của những người thừa kế bắt buộc sẽ bị ảnh hưởng mà chưa có cơ chế để bảo vệ họ. Bối lẽ, tài sản đã được tặng hay được cho không được xem là di sản mà hợp đồng tặng cho là loại hợp đồng không có đền bù nên không có gì bù đắp vào sự thâm hụt này. Di sản người chết để lại càng ít thì giá trị một suất thừa kế bắt buộc càng nhỏ hoặc nghiêm trọng hơn là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc không nhận được gì do người chết đã tặng cho toàn bộ tài sản của mình khi đang còn sống. Trong khi đó, nếu người chết định đoạt tài sản cho người khác bằng di chúc hợp pháp (cũng là loại giao dịch không có đền bù) thì quy định tại Điều 644 BLDS năm 2015 sẽ được vận dụng để bảo vệ quyền lợi

1 Vũ Thị Lan Hương, “Mối liên hệ giữa di sản thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc với di sản thừa kế theo di chúc”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 10, 2010, tr. 51.

2 Reinhard Zimmermann, “Pflichtteil und Noterbenrecht in historisch-vergleichender Perspektive”, *Rebels Zeitschrift für ausländisches und internationales Privatrecht*, Vol. 84, 2020, tr. 484-485.

3 Đỗ Văn Đại, “Một số bất cập về thừa kế trong Bộ luật Dân sự năm 2005”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 2 + 3, 2014, tr. 49-50.

4 Trần Thị Huệ, *Di sản thừa kế theo pháp luật dân sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, 2011, tr. 67-69.

chính đáng của một số người thừa kế theo pháp luật ở hàng thừa kế thứ nhất. Có thể nói, “chỉ cần một số kỹ thuật pháp lý như tặng cho toàn bộ hay một phần tài sản trước khi chết là người quá cố có thể “né” được chế định thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc”.<sup>5</sup> Để khắc phục “lỗ hổng” này, cần mở rộng quy định pháp luật theo hướng người thừa kế bắt buộc được yêu cầu những người đã nhận tài sản thông qua hợp đồng tặng cho phải hoàn trả tài sản.

Ở Việt Nam từ trước đến nay có nhiều văn bản giới hạn quy định này trong lĩnh vực thừa kế (từ Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/07/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế, Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 đến BLDS năm 1995, BLDS năm 2005 và nay là BLDS năm 2015). Vì vậy, việc mở rộng phạm vi áp dụng nên tham khảo từ kinh nghiệm pháp luật nước ngoài. Một số quốc gia trên thế giới đã ghi nhận quy định về “lưu sản” (reserve portion) cho cả di chúc và hợp đồng tặng cho. Ví dụ như ở Italy, Điều 556 BLDS năm 1942 (sửa đổi, bổ sung năm 2016) của nước này quy định căn cứ để di sản của người chết từ tất cả các tài sản thuộc về người chết tại thời điểm mở thừa kế sau khi trừ đi các khoản nợ, bao gồm những tài sản đã được định đoạt bằng cách tặng cho.<sup>6</sup> Hay theo Điều 993 BLDS Ba Lan năm 1964, khi xác định di sản, một số các khoản tặng cho cần được thu hồi.<sup>7</sup> Tương tự, Điều 620 Luật Thừa kế của Malta năm 1870 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho biết ngay cả những tài sản do người lập di chúc định đoạt theo hợp đồng không có đền bù, dù nhằm mục đích chuẩn bị kết hôn, đều được tính vào di sản; Điều 1813 luật này một lần nữa khẳng định tài sản tặng cho dưới bất kỳ hình thức hay mục đích nào (kết hôn, sinh con...), mà xâm phạm phần lưu sản theo quy định của luật tại thời điểm mở thừa kế của người tặng cho thì tài sản tặng cho sẽ bị giảm xuống.<sup>8</sup>

Điều 912 BLDS Pháp năm 1804 (sửa đổi, bổ sung năm 2016) cho biết cá nhân chỉ có thể tự do định đoạt tài sản theo hợp đồng tặng cho hoặc theo di chúc sau khi đã trừ ra phần tài sản mà luật quy định phải để lại cho người thừa kế bắt buộc. Điều 922 Bộ luật này hướng dẫn các tài sản tặng cho được gộp một cách giả định vào khối tài sản tại thời điểm mở thừa kế của người chết để xác định tổng di sản người chết để lại. Những quy định về chứng thư tặng cho tại Điều 960, Điều 961 và Điều 962 cũng ghi nhận việc tặng cho có thể bị hủy bỏ khi người tặng cho có con, nhằm bảo vệ quyền lợi của người thừa kế bắt buộc.<sup>9</sup>

Tương tự, Điều 30 Luật Thừa kế Bulgaria năm 1949 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định người thừa kế bắt buộc mà không thể nhận được toàn bộ phần lưu sản của mình “do di chúc hoặc tặng cho” có thể yêu cầu được bổ sung phần còn thiếu từ những người thừa kế theo di chúc cũng như những người nhận tặng cho. Điều 31 Luật này khẳng định để xác định phần thừa kế bắt buộc thì cần tập hợp tài sản vốn thuộc về người lập di chúc tại thời điểm người đó qua đời bao gồm cả các khoản tặng cho.<sup>10</sup>

5 Đỗ Văn Đại, *Luật Thừa kế Việt Nam – Bản án và bình luận bản án (Tập 1)*, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, 2019, tr. 434.

6 Bộ luật Dân sự Ý (ban hành năm 1942 và sửa đổi năm 2016).

7 Bộ luật Dân sự ngày 23 tháng 4 năm 1964 của Ba Lan.

8 Bộ luật Dân sự Malta 11 tháng 2 năm 1870 của Malta (sửa đổi lần cuối năm 2017).

9 Bộ luật Dân sự Pháp, ban hành năm 1804, sửa đổi năm 2016.

10 Luật Thừa kế của Bulgaria (ban hành tháng 1 năm 1949, sửa đổi lần cuối tháng 6 năm 2009).

Theo Điều 818 BLDS Tây Ban Nha năm 1889 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để tính giá trị của một suất thừa kế bắt buộc thì cần xác định tài sản còn lại tại thời điểm mở thừa kế sau khi trừ đi mọi khoản nợ và cộng thêm giá trị của bất kỳ khoản tặng cho nào có thể quy đổi thành tiền. Nếu giá trị phần tặng cho vượt quá dẫn đến xâm phạm phần lưu sản dành cho người thừa kế bắt buộc thì khoản tặng cho đó có thể bị cắt giảm.<sup>11</sup>

Điều 2325 BLDS Đức năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) cũng quy định nếu người lập di chúc tặng cho tài sản thì tài sản tặng cho được thêm vào di sản.<sup>12</sup> Có ý kiến nhận xét rằng pháp luật Đức có những quy định nghiêm ngặt về thừa kế bắt buộc, những người này không chỉ được bảo vệ quyền lợi từ di sản người chết để lại mà nếu người chết lãng tránh lưu sản bằng cách chuyển nhượng tài sản trước khi chết thì pháp luật cho phép người thừa kế bắt buộc lấy lại phần giá trị đó.<sup>13</sup>

Pháp luật Bỉ sau các lần sửa đổi vẫn duy trì quan điểm rằng di sản giả định của người chết bao gồm tài sản tại thời điểm mở thừa kế, bị giảm đi do các khoản nợ và được tăng lên bởi tất cả các khoản tặng cho mà người chết đã thực hiện trong suốt cuộc đời. Nếu các khoản di chúc hoặc tặng cho xâm phạm đến lưu sản, những người thừa kế bắt buộc có thể yêu cầu giảm số tiền vượt quá để bảo vệ phần lưu sản của mình.<sup>14</sup>

Từ các quy định trên, có thể thấy, ở những quốc gia này, quyền lợi của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là những người có mối quan hệ mật thiết, gắn bó nhất với người để lại di sản, không chỉ “không phụ thuộc vào nội dung của di chúc” mà còn có thể “không phụ thuộc vào nội dung của các giao dịch không có đền bù”, bất kể giao dịch đó được thực hiện trước hay sau thời điểm người có tài sản qua đời. Điều này giúp củng cố chế định thừa kế bắt buộc, tránh trường hợp người để lại di sản tẩu tán tài sản của mình trước khi chết dẫn đến xâm phạm quyền lợi của người thừa kế bắt buộc. Suy cho cùng, ý nghĩa của quy định thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc là bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể mà theo truyền thống, đạo đức đáng lẽ phải nhận được một phần di sản người chết để lại. Do đó, nếu tồn tại bất kỳ lỗ hổng nào dẫn đến quyền lợi của những người này bị xâm phạm thì cần khắc phục dù phải đi ngược lại ý chí của chủ sở hữu tài sản. Dẫu sao thì ngay từ đầu, quy định về thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc đã bất chấp ý chí của người lập di chúc và có phần chống lại những người thừa kế khác. Vì vậy, việc mở rộng phạm vi áp dụng cho cả hợp đồng tặng cho cũng không làm thay đổi bản chất của chế định. Mục đích cuối cùng là bảo vệ những người thừa kế bắt buộc khỏi các khoản tặng cho giữa những người còn sống từ phía người lập di chúc, ảnh hưởng bất lợi đến tổng giá trị di sản, kéo theo ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị phần lưu sản dành cho người thừa kế bắt buộc.<sup>15</sup> Đây được xem như giải pháp cân bằng và hài hòa giữa quyền tự do của

11 Bộ luật Dân sự Tây Ban Nha (được phê chuẩn ngày 24 tháng 7 năm 1889 và sửa đổi ngày 28 tháng 6 năm 2017).

12 Bộ luật Dân sự Đức (BGB), ban hành ngày 2 tháng 1 năm 2002, sửa đổi lần cuối ngày 10 tháng 8 năm 2021.

13 Ronald J. Scalise Jr., “Undue influence and the law of wills: A comparative analysis”, *Duke Journal of Comparative & International Law*, Vol. 19, 2008, tr. 85

14 Renate Barbaix and Damiaan Leire, “Belgium’s inheritance law reform of 2017 and 2018”, *Institutional repository IRUA*, tr. 4.

15 Reinhard Zimmermann, “The compulsory portion in German Law”, *Max Planck Private Law Research Paper*,

chủ sở hữu tài sản với nghĩa vụ của người này với các thành viên trong gia đình, theo đó, một phần bắt buộc dành cho một số thành viên thân thiết trong gia đình sẽ được thừa nhận, bất kể điều này có phù hợp với mong muốn của người chủ sở hữu tài sản hay không. Có tác giả nhận xét rằng: “Nếu cần chọn cho luật thừa kế một căn bản thì bốn phạm đối với gia đình có thể được coi là căn bản vững chắc nhất. Vì nếu công nhận rằng người quá cố có bốn phạm đối với gia đình, vợ, con thì đã gián tiếp làm cho quyền sở hữu có một tác dụng có giá trị kinh tế và khi đó thì căn bản đạo đức sẽ bao gồm cả căn bản kinh tế”.<sup>16</sup> Thậm chí, trong thời gian gần đây, thừa kế bắt buộc được xem là biểu hiện của sự đoàn kết gia đình, trao cho các thành viên thân thiết trong gia đình quyền hưởng một phần di sản tối thiểu, bất kể họ có nhu cầu trợ giúp về kinh tế hay không.<sup>17</sup> Nói cách khác, các giao dịch mà một người thực hiện trong suốt cuộc đời của mình và cả sau khi mình chết đều cần tính đến bốn phạm luân lý của người này và đề cao truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Về tính khả thi của quy định, đã có nhiều quốc gia duy trì chế định lưu sản cho cả di chúc và tặng cho và những nước kể trên đều theo hệ thống dân luật, được xem là gần gũi với xã hội pháp lý của Việt Nam hơn các quy định thuộc thông luật.

Tác giả kiến nghị mở rộng phạm vi áp dụng của chế định thừa kế bắt buộc cho cả những giao dịch định đoạt tài sản trước khi người để lại di sản chết, thay vì chỉ giới hạn trong di chúc như pháp luật hiện hành. Điều này đặt ra yêu cầu thay đổi tên gọi của chế định. Bởi lẽ, phần di sản cha, mẹ, vợ, chồng, con chưa thành niên, con thành niên mà không có khả năng lao động được hưởng sẽ không chỉ không phụ thuộc vào nội dung của di chúc mà còn không phụ thuộc vào nội dung của các giao dịch không có đền bù khác. Thật ra, ngay cả khi giới hạn quy định trong lĩnh vực thừa kế thì cũng đã có ý kiến cho rằng những người này không phải người thừa kế mà là người được hưởng di sản – thuật ngữ được sử dụng trong Pháp lệnh Thừa kế năm 1990. Vì nếu coi đây là “người thừa kế” thì về nguyên tắc họ phải thuộc một trong hai loại: hoặc là người thừa kế theo di chúc hoặc là người thừa kế theo pháp luật, nhưng rõ ràng là nhóm người này không hưởng thừa kế theo di chúc và cũng không hưởng theo pháp luật như người thừa kế theo pháp luật thông thường.<sup>18</sup> Thậm chí, có những trường hợp người này bị người chết truất quyền hưởng di sản trong di chúc, mà quy định tại khoản 3 Điều 651 BLDS năm 2015 không xem người bị truất quyền hưởng di sản là người thừa kế theo pháp luật.<sup>19</sup> Dường như, họ chỉ là nhóm chủ thể được Nhà nước bảo vệ quyền lợi thông qua một phần di sản tối thiểu mà luật cho rằng họ xứng đáng được hưởng. Dầu sao thì việc xuất hiện những chủ thể được nhận di sản ngoài người thừa kế

Vol. 3(19/19), 2020, tr. 289, <http://ssrn.com/abstract=3499075>

16 Nguyễn Mạnh Bách, *Chế độ hôn nhân và thừa kế trong Luật dân sự Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr. 126.

17 Inge Kroppenbergh, “Compulsory Portion”, in *The Max Planck Encyclopedia of European Private law*, Oxford University Press, 2012, tr. 337.

18 Vũ Thị Lan Hương, “Mối liên hệ giữa di sản thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc với di sản thừa kế theo di chúc”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 10, 2010, tr. 52.

19 Khoản 3 Điều 651 BLDS năm 2015: “Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản”. Có thể thấy, việc bị truất quyền hưởng di sản trong di chúc làm mất đi tư cách thừa kế của những người thừa kế theo pháp luật.



không phải là điều mới lạ, như trường hợp của người được di tặng theo di chúc.<sup>20</sup> Hơn nữa, khi mở rộng phạm vi áp dụng của chế định sẽ dẫn đến cách tính phần tài sản những người này được hưởng khác với phương pháp tính một suất thừa kế cho người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật (nội dung này sẽ được trình bày ở phần tiếp theo). Phần giá trị này có thể gọi là di sản bắt buộc hoặc di sản đương nhiên, còn những người được hưởng là người được hưởng di sản bắt buộc/người được hưởng di sản đương nhiên. Tác giả kiến nghị ưu tiên lựa chọn thuật ngữ “di sản bắt buộc” và “người được hưởng di sản bắt buộc” vì Thông tư số 81/TANDTC Hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế từng gọi những người này là “người thừa kế bắt buộc”. Tuy tên gọi này không được ghi nhận trong văn bản pháp lý hiện hành nhưng được sử dụng khá phổ biến trong các tài liệu khoa học và nhìn chung mọi người đều hiểu là đang đề cập chế định này, cũng không xuất hiện sự nhầm lẫn rằng những người này bắt buộc phải nhận di sản mà không có quyền từ chối. Chính vì thế, theo tác giả khi mở rộng phạm vi áp dụng, tên gọi của quy định về “người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc” nên được thay đổi từ thành “người được hưởng di sản bắt buộc”.

## 2. Xác định hợp đồng tặng cho tài sản được áp dụng để tính di sản bắt buộc

Khi thay đổi phạm vi áp dụng của chế định, hệ quả kéo theo là cần xác định cụ thể những khoản tặng cho nào cần thu hồi và tính toán giá trị tài sản ra sao. Phần này sẽ được cộng vào tài sản hiện có của người chết tại thời điểm mở thừa kế sau khi trừ đi các nghĩa vụ tài sản và chi phí thừa kế, xem như di sản giả định để tính toán một suất thừa kế bắt buộc. Lưu ý là tài sản được thu hồi không chỉ từ các hợp đồng tặng cho thuần túy mà bao gồm cả những trường hợp người nhận tài sản có trả một khoản tiền nhưng khoản tiền đó không tương xứng với giá trị tài sản (phân biệt với trường hợp bán với giá hữu nghị). Khi đó, phần chênh lệch sẽ được tính vào di sản với điều kiện sự mất cân đối giữa giá trị tài sản và khoản tiền phải được hai bên trong hợp đồng công nhận tại thời điểm thực hiện hợp đồng.<sup>21</sup>

Việc xác định những khoản tặng cho nào sẽ được thu hồi không chỉ là vấn đề cân bằng quyền lợi giữa các nhóm chủ thể, gồm chủ sở hữu tài sản, người nhận tặng cho và người được hưởng di sản bắt buộc, mà còn ảnh hưởng đến lợi ích chung của xã hội và cộng đồng. Bởi lẽ, nếu tối ưu hóa quyền lợi của người được hưởng di sản bắt buộc bằng cách thu hồi mọi tài sản tặng cho trong suốt cuộc đời người để lại di sản thì có thể gây xáo trộn giao lưu dân sự, làm đứt gãy các giao dịch đã tồn tại ổn định và dẫn đến sự bất an cho các chủ thể khi tham gia giao dịch. Tác giả cho rằng cần chỉ ra loại hợp đồng tặng cho chịu sự hạn chế của di sản bắt buộc. Mặt khác, nếu hợp đồng đã được thực hiện quá lâu trước thời điểm mở thừa kế thì không cần và cũng không nên cộng phần tài sản đó vào di sản, điều này vừa vô lý về mặt lý thuyết, vừa bất khả thi khi thực hiện. Do đây là sự bổ sung mới vào quy định hiện hành nên để hoàn thiện chế định này thì cần thiết tham khảo pháp luật nước ngoài.

<sup>20</sup> Điều 646 BLDS năm 2015.

<sup>21</sup> Oliver Arter, Fabienne Häusermann, “Inheritance advance, inter vivos gift, sale at a preferential price – What applies in the event of death?”, *MLL Legal Ltd*, tr. 4.

Theo Điều BLDS Thụy Sĩ năm 1907, các khoản tặng cho theo phong tục không thuộc di sản của người chết.<sup>22</sup> Điều 31 Luật Thừa kế Bulgari năm 1949 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cũng theo hướng loại trừ những khoản tặng cho thông thường theo tình huống lúc đó.<sup>23</sup> Tương tự, Điều 994 BLDS Ba Lan năm 1964 không áp dụng chế định thừa kế bắt buộc cho các khoản tặng cho nhỏ theo thông lệ được chấp nhận trong các mối quan hệ nhất định.<sup>24</sup> Món quà theo phong tục là những món quà được tặng hoặc nhận trong lễ hội hoặc dịp lễ kỷ niệm theo phong tục. Đây thường là những món quà có giá trị thấp được tặng vào một sự kiện cụ thể như kết hôn, sinh con, Tết, Giáng sinh, sinh nhật, mừng khỏi bệnh... và không làm cho người tặng trở nên khốn khó. Hoặc như Điều 2330 BLDS Đức năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), các quy định về thừa kế bắt buộc không áp dụng cho những khoản tặng cho nhằm thực hiện nghĩa vụ đạo đức hoặc thể hiện sự tôn trọng.<sup>25</sup> Như vậy, để kết luận tài sản tặng cho có thuộc nhóm quà tặng theo phong tục hay không cần xem xét từng hoàn cảnh cụ thể (tính đến yếu tố truyền thống, tập quán đã được thiết lập trong cộng đồng, xã hội hoặc một nền văn hóa) và so sánh với điều kiện kinh tế của người để lại di sản.

Về mặt thời gian, pháp luật Bỉ dường như theo hướng bảo vệ tối đa quyền lợi của người được hưởng di sản bắt buộc. Nếu một khoản tặng cho tước đi di sản bắt buộc, thì khoản tặng cho đó có khả năng trở về di sản, bất kể giao dịch diễn ra khi nào.<sup>26</sup> Điều này tỏ ra khá nguy hiểm và bất ổn cho các giao dịch dân sự và cũng sẽ gặp nhiều khó khăn khi thi hành. Vì vậy, nên ưu tiên giải pháp giới hạn trong những khoản tặng cho được thực hiện gần với thời điểm mở thừa kế.

Điều 994 BLDS Ba Lan năm 1964 quy định không cần xét đến các khoản tặng cho xảy ra hơn mười năm trước thời điểm mở thừa kế cho những người không phải là người thừa kế. Đồng thời, nếu tính di sản bắt buộc cho con cháu thì không tính các khoản tặng cho do người chết thực hiện vào thời điểm người chết không có con cháu, trừ trường hợp thời điểm tặng cho chỉ trước khi con cháu chào đời chưa đầy ba trăm ngày; nếu tính di sản bắt buộc cho vợ/chồng thì không tính các khoản tặng cho mà người chết đã thực hiện trước khi kết hôn. Điều này có thể được lý giải vì hôn nhân tạo nên khởi điểm cho các cặp vợ chồng nên quyền được hưởng di sản bắt buộc của họ chỉ có thể liên quan đến tài sản chưa được tặng cho tại thời điểm kết hôn.

Pháp luật Đức cũng áp dụng thời gian mười năm, thậm chí có hướng dẫn về việc giảm dần giá trị các khoản tặng cho. Theo đó, Điều 2325 BLDS Đức năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định: “Giá trị khoản tặng cho được tính đầy đủ trong năm đầu tiên trước thời điểm mở thừa kế và được tính ít hơn một phần mười trong mỗi năm trước thời điểm mở thừa kế. Nếu đã mười năm trôi qua kể từ khi thực hiện việc tặng cho thì không tính khoản tặng cho đó nữa”.<sup>27</sup> Có thể thấy, thay vì biện pháp nghiêm ngặt “tất cả hoặc không có gì”, pháp luật

22 Bộ luật Dân sự Thụy Sĩ ngày 10 tháng 12 năm 1907.

23 Luật Thừa kế của Bulgaria (ban hành tháng 1 năm 1949, sửa đổi lần cuối tháng 6 năm 2009).

24 Bộ luật Dân sự ngày 23 tháng 4 năm 1964 của Ba Lan.

25 Bộ luật Dân sự Đức (BGB), ban hành ngày 2 tháng 1 năm 2002, sửa đổi lần cuối ngày 10 tháng 8 năm 2021.

26 Bộ luật Dân sự ngày 23 tháng 4 năm 1964 của Ba Lan.

27 Bộ luật Dân sự Đức (BGB), ban hành ngày 2 tháng 1 năm 2002, sửa đổi lần cuối ngày 10 tháng 8 năm 2021.

Đức đã có cách tiếp cận ôn hòa hơn là “giảm sút dần dần”.<sup>28</sup>

Trong khi đó, pháp luật Thụy Sĩ đặt ra thời gian hạn chế chỉ bằng một nửa quy định trên. Cụ thể, Điều 572 BLDS Thụy Sĩ năm 1907 quy định các khoản tặng cho mà người chết giữ lại quyền tự do hủy bỏ hoặc được thực hiện trong năm năm trước khi người đó qua đời, ngoại trừ các món quà tặng thông thường theo phong tục, cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của chế định thừa kế bắt buộc.<sup>29</sup>

Pháp luật Thổ Nhĩ Kỳ thậm chí rút ngắn khoản thời gian này chỉ còn một năm. Theo Điều 565 BLDS Thổ Nhĩ Kỳ năm 2001, dù người tặng cho không giữ lại quyền tự do hủy bỏ hợp đồng tặng cho thì những khoản tặng cho được thực hiện trong vòng một năm trước thời điểm mở thừa kế vẫn thuộc diện bị thu hồi, trừ các khoản tặng cho theo thông lệ.

Tác giả cho rằng, khi áp dụng bất kỳ quy định mới nào cũng cần cân trọng thực hiện từng bước. Thực tế, khó có thể kiểm soát cũng như thu hồi tài sản tặng cho đã được thực hiện từ mười năm trước. Thay vào đó, thời hạn năm năm là vừa đủ, dẫu sao thì cũng rất hiếm trường hợp một người dự đoán trước cái chết của mình đến năm năm để tẩu tán trước tài sản, nhưng nếu áp dụng thời hạn một năm thì lại không đảm bảo an toàn trước nguy cơ người chết “né” quy định của luật. Vì vậy, trong giai đoạn đầu, chỉ nên áp dụng chế định này cho những khoản tặng cho mà người tặng cho bảo lưu quyền tự do hủy bỏ hợp đồng tặng cho hoặc hợp đồng được thực hiện trong vòng năm năm trước khi người để lại di sản chết.

Về thời điểm định giá tài sản, có quốc gia quy định khác nhau đối với động sản và bất động sản. Điều 31 Luật Thừa kế Bulgaria năm 1949 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) hướng dẫn giá trị khoản tặng cho được thu hồi sẽ xác định theo giá tại thời điểm mở thừa kế đối với bất động sản và tại thời điểm tặng cho đối với động sản. Thậm chí, ngay cả khi tài sản tặng cho đã được người nhận tặng cho chuyển nhượng cho người khác thì giao dịch vẫn có thể bị hủy bỏ nếu việc chuyển nhượng diễn ra trong vòng một năm kể từ thời điểm mở thừa kế hoặc sau khi người được hưởng di sản bắt buộc khởi kiện yêu cầu được nhận đủ suất thừa kế của mình nhưng quyền lợi của người này không được đảm bảo, theo quy định tại Điều 37 Luật Thừa kế Bulgaria năm 1949 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ở Pháp, Điều 922 BLDS năm 1804 (sửa đổi, bổ sung năm 2016), không phân biệt tài sản tặng cho là động sản hay bất động sản mà thống nhất sử dụng giá tại thời điểm mở thừa kế, đồng thời lưu ý là phải xét theo tình trạng tài sản ở thời điểm tặng cho. Điều này còn cho biết nếu tài sản tặng cho đã được chuyển nhượng thì tính giá trị tại thời điểm chuyển nhượng; nếu có sự thay thế tài sản thì tính giá trị của tài sản mới tại thời điểm mở thừa kế theo tình trạng tài sản vào thời điểm thay thế, trừ trường hợp tài sản thay thế do bản chất tự nhiên nên không thể tránh khỏi việc hao mòn giá trị.

Tương tự, Điều 995 BLDS Ba Lan năm 1964 xác định giá trị của tài sản tặng cho theo tình trạng tài sản vào thời điểm tặng cho với giá tại thời điểm mở thừa kế. Quy định như vậy là hợp lý vì rõ ràng là kể từ thời điểm tặng cho, người nhận tặng cho chịu trách nhiệm về sự thay đổi giá trị tài sản nên người này cần hoàn trả

28 Reinhard Zimmermann, *ltd.*

29 Bộ luật Dân sự Thụy Sĩ ngày 10 tháng 12 năm 1907.



giá trị tài sản theo tình trạng của tài sản tại thời điểm thực hiện giao dịch và tính theo giá tại thời điểm mở thừa kế.

Như đã trình bày, pháp luật Đức ghi nhận nguyên tắc “giảm sút dần dần” khi tính toán giá trị tài sản được thu hồi, cụ thể là chỉ những tài sản được tặng cho trong năm gần nhất trước khi người để lại di sản chết thì mới có thể thu hồi toàn bộ giá trị, càng ngược thời gian về trước thì phần trăm giá trị tài sản có thể thu hồi càng giảm. Theo tác giả, giải pháp này có thể xem như một phương pháp định tính để trừ đi hao mòn tự nhiên của tài sản nhưng khá nghiêm ngặt và không thể đúng trong mọi trường hợp. Tác giả cho rằng quy định hợp lý là thu hồi giá trị tài sản tặng cho theo hiện trạng tại thời điểm thực hiện giao dịch với giá tại thời điểm mở thừa kế, có xét đến các hao mòn tự nhiên trong quá trình sử dụng.

Tóm lại, tài sản gia đình để tính một suất di sản bắt buộc bao gồm tài sản hiện có tại thời điểm mở thừa kế trừ đi các nghĩa vụ tài sản và chi phí thừa kế, sau đó cộng thêm tất cả tài sản tặng cho được thực hiện trong vòng năm năm trước khi người để lại di sản chết, trừ các khoản tặng cho thông thường theo phong tục. Giá trị được cộng giả định là giá thị trường tại thời điểm mở thừa kế tính theo hiện trạng tài sản khi thực hiện giao dịch tặng cho có trừ đi các hao mòn tự nhiên.

Sau khi xác định di sản gia đình, việc tiếp theo là tính giá trị một suất di sản bắt buộc. Về vấn đề này, các quốc gia có quan điểm rất khác nhau. Một số nước phân biệt những người thừa kế bắt buộc, như Điều 913 BLDS Pháp năm 1804 (sửa đổi, bổ sung năm 2016) quy định phần tài sản dùng để tặng cho hoặc thừa kế theo di chúc không được vượt quá một nửa số tài sản nếu tại thời điểm người này chết có một người con; không được vượt quá một phần ba nếu có hai người con; không vượt quá một phần tư nếu có từ ba người con trở lên; Điều 914-1 có nội dung tương tự nhưng áp dụng cho người thừa kế là vợ hoặc chồng còn sống và chưa ly hôn, trong trường hợp đó, không được tặng cho hoặc để thừa kế theo di chúc vượt quá ba phần tư số tài sản.<sup>30</sup> Pháp luật Thụy Sĩ cũng quy định cho con cháu trực hệ phần thừa kế bắt buộc nhiều hơn cha mẹ hay vợ chồng, cụ thể, Điều 471 BLDS năm 1907 nước này cho biết con cháu trực hệ được hưởng tối thiểu ba phần tư suất thừa kế hợp pháp, trong khi cha, mẹ hoặc vợ, chồng chỉ được hưởng một nửa suất này.<sup>31</sup> Tương tự, Điều 506 BLDS Thổ Nhĩ Kỳ năm 2001 phân biệt những người thừa kế bắt buộc khác nhau có phần lưu sản khác nhau như sau: lưu sản cho con cái là một nửa suất thừa kế hợp pháp; lưu sản cho cha, mẹ là một phần tư suất thừa kế hợp pháp; lưu sản cho vợ, chồng là toàn bộ suất thừa kế hợp pháp nếu vợ, chồng cùng thừa kế với con cháu hoặc cha mẹ, và ba phần tư suất thừa kế hợp pháp trong các trường hợp khác.

Việt Nam theo hướng không phân biệt giá trị một suất di sản không phụ thuộc vào nội dung của di chúc của những người thừa kế bắt buộc khác nhau. Tác giả cho rằng nội dung này không có bất cập gì và có thể duy trì quy định hiện hành. Bởi lẽ, việc một số cá nhân được hưởng di sản bắt buộc không chỉ nhằm đảm bảo sinh kế cho những chủ thể yếu thế mà quan trọng hơn cả là duy trì và củng cố tình cảm gia đình cũng như phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Lễ di

30 Bộ luật Dân sự Pháp, ban hành năm 1804, sửa đổi năm 2016.

31 Bộ luật Dân sự Thụy Sĩ ngày 10 tháng 12 năm 1907.

nhiên là không thể xếp thứ tự tình cảm cha con, mẹ con hay tình cảm vợ chồng là quan trọng hơn. Như vậy, cần lấy toàn bộ di sản giả định chia đều cho những người thừa kế theo pháp luật, sau đó lấy hai phần ba của một suất này làm suất di sản bắt buộc. Lưu ý là nếu bản thân người được hưởng di sản bắt buộc đã được tặng cho hay thừa kế trước đó (dù theo di chúc hay theo pháp luật) thì cần trừ đi những gì họ đã nhận và chỉ được bổ sung phần còn thiếu.

Các quốc gia khá thống nhất trong thứ tự chủ thể chịu trách nhiệm bảo đảm quyền lợi cho người được hưởng di sản bắt buộc. Phần tài sản tặng cho sẽ không bị rút bớt chừng nào phần của những người thừa kế khác vẫn đủ để bù vào di sản bắt buộc. Điều 555 BLDS Italy năm 1942 (sửa đổi, bổ sung năm 2016) quy định: “Các khoản tặng cho không bị giảm cho đến khi hết giá trị tài sản được định đoạt trong di chúc”. Điều 1818 Luật Thừa kế Malta năm 1870 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng không cho phép cắt giảm tài sản tặng cho cho đến khi dùng hết tài sản được định đoạt theo di chúc và nếu phải rút từ tài sản tặng cho thì sẽ thực hiện từ lần tặng cho cuối cùng và cứ thế tiếp tục đến các lần tặng cho trước đó. Điều 922 BLDS Pháp năm 1804 (sửa đổi, bổ sung năm 2016), chỉ có thể rút bớt tài sản tặng cho sau khi đã tận dụng hết di sản để lại theo di chúc; nếu cần phải rút bớt tài sản tặng cho thì tiến hành từ lần tặng cho cuối cùng và tiếp tục ngược lên cho đến những lần tặng cho đầu tiên. Tương tự, Điều 1001 BLDS Ba Lan năm 1964 quy định trong số những người được tặng cho, người được tặng cho trước chỉ chịu trách nhiệm hoàn lại cho người thừa kế bắt buộc nếu người thừa kế bắt buộc không thể nhận được phần bổ sung từ người được tặng cho sau. Quan điểm rút lần lượt từ những người nhận tặng cho theo thứ tự thời gian từ muộn nhất đến sớm nhất cũng được thể hiện tại khoản 3 Điều 2329 BLDS Đức năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Có thể thấy, mặc dù tài sản tặng cho được tính trong di sản giả định nhưng không phải lúc nào người nhận tặng cho cũng phải thực hiện nghĩa vụ hoàn lại trên thực tế. Trước hết, pháp luật sẽ yêu cầu người thừa kế dùng di sản họ nhận được để đảm bảo quyền lợi cho người được hưởng di sản bắt buộc. Chỉ khi nào di sản người chết để lại không đủ thì những người nhận tặng cho, lần lượt từ người nhận gần nhất, phải thanh toán phần còn thiếu cho người được hưởng di sản bắt buộc trong phạm vi tài sản tặng cho mà mình được nhận. Khi bàn đến vấn đề hoàn trả tài sản thì phương thức hoàn trả rất quan trọng, trả lời cho câu hỏi người nhận tặng cho phải trả hiện vật hay trả giá trị. Tại Việt Nam, việc người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc được nhận hiện vật hay giá trị di sản cũng chưa có câu trả lời rõ ràng từ góc độ văn bản.

Theo tác giả, chế định người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc vốn đã phần nào bất chấp ý chí của chủ sở hữu tài sản, người mà đáng lẽ có toàn quyền trên tài sản của mình, nên việc xâm phạm ý chí này cần giảm thiểu xuống mức thấp nhất. Vì vậy, một khi người chết đã tặng cho tài sản là hiện vật hoặc chỉ định người thừa kế theo di chúc nhận hiện vật thì chỉ nên cho người được hưởng di sản bắt buộc nhận giá trị. Do đó, người nhận tặng cho không nhất thiết phải hoàn trả tài sản bằng hiện vật mà được lựa chọn phương thức hoàn trả. Đây cũng là giải pháp được các nước ghi nhận, như ở Thụy Sĩ, Điều 628 BLDS năm 1907 quy định khi đưa tài sản vào khối di sản giả định thì người này có thể dùng hiện vật hoặc quy ra

giá trị. Điều 2329 BLDS Đức năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) ghi nhận cho người được hưởng di sản bắt buộc quyền, theo các quy định về việc từ bỏ sự làm giàu bất chính, yêu cầu người nhận tặng cho từ bỏ tài sản đã nhận và người nhận tặng cho có thể tránh việc hoàn trả hiện vật bằng cách thanh toán giá trị.

Nhà nước tôn trọng quyền tự định đoạt của chủ sở hữu nhưng để đảm bảo sự hài hoà giữa lợi ích của các thành viên trong gia đình, dựa trên những chuẩn mực đạo đức và truyền thống văn hóa nước nhà, pháp luật can thiệp ở mức độ nhất định vào quyền định đoạt tài sản hợp pháp của một cá nhân. Sự can thiệp này không nên chỉ giới hạn trong lĩnh vực thừa kế mà cần tác động đến cả một số hợp đồng tặng cho được chủ sở hữu thực hiện trong khoảng thời gian nhất định trước khi chết. Tuy nhiên, tài sản tặng cho được dùng để tính di sản giả định sẽ không bị thu hồi trên thực tế nếu quyền lợi của người hưởng di sản bắt buộc đã được bảo đảm bằng di sản hiện có cũng như các khoản tặng cho mới thực hiện sau này. ●

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Mạnh Bách, *Chế độ hôn nhân và thừa kế trong Luật dân sự Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1995 [trans: Nguyen Manh Bach, *Marriage and inheritance regime in Vietnamese Civil Law*, Ho Chi Minh City Publishing House, 1995]
- [2] Đỗ Văn Đại, “Một số bất cập về thừa kế trong Bộ luật dân sự năm 2005”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 2 + 3, 2014 [trans: Do Van Dai, “Some shortcomings in inheritance in the 2005 Civil Code”, *Journal of Legislative Studies*, Vol. 2 + 3, 2014]
- [3] Đỗ Văn Đại, *Luật Thừa kế Việt Nam – Bản án và bình luận bản án (Tập 1)*, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, 2019 [trans: Do Van Dai, *Vietnam Inheritance Law – Judgment and Judgement Comment (Volume 1)*, Hong Duc – Vietnam Lawyers Association Publishing House, 2019]
- [4] Trần Thị Huệ, *Di sản thừa kế theo pháp luật dân sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, 2011 [trans: Tran Thi Hue, *Inheritance under Vietnamese civil law*, Judicial Publishing House, 2011]
- [5] Vũ Thị Lan Hương, “Mối liên hệ giữa di sản thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc với di sản thừa kế theo di chúc”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 10, 2010 [Vu Thi Lan Huong, “The relationship between inheritance independent of the content of the will and inheritance according to the will”, *Journal of Legislative Studies*, Volume 10, 2010]
- [6] Inge Kroppenberg, “Compulsory portion”, in *The Max Planck Encyclopedia of European Private Law*, Oxford University Press, 2012
- [7] Oliver Arter, Fabienne HäusermannMLL Legal Ltd, “Inheritance advance, inter vivos gift, sale at a preferential price – What applies in the event of death?”, *MLL Legal Ltd*
- [8] Renate Barbaix and Damiaan Leire, “Belgium’s inheritance law reform of 2017 and 2018”, *Institutional repository IRUA*
- [9] Reinhard Zimmermann, “Pflichtteil und Noterbenrecht in historisch-vergleichender Perspektive”, *Rabels Zeitschrift für ausländisches und internationales Privatrecht*, No. 84, 2020 [Reinhard Zimmermann, “Legal share and compulsory inheritance law in a historical-comparative perspective”, *Rabel’s Journal of Foreign and International Private Law*, No. 84, 2020]
- [10] Reinhard Zimmermann, “The compulsory portion in German law”, *Max Planck Private Law Research Paper*, Vol.3, no. 19/19, 2020
- [11] Ronald J. Scalise Jr., “Undue influence and the law of wills: A comparative analysis”, *Duke Journal of Comparative & International Law*, No. 19, 2008